TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:477/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 4 -2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Bà Võ Thị Mai

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Khánh – Thư ký Toà án G

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa:

Ông Trần Gia Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 939/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Đình L; địa chỉ: Số 45C khu phố 4, đường TX 18, phường T, Quận 1, Tp. H. (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Kiều O; địa chỉ: Số 945 đường L, Phường 1, quận G, Tp. H. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 26/11/2021 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ ông Trần Đình L trình bày:

Ông Trần Đình L và Bà Nguyễn Kiều O tự nguyện chung sống năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 16, quận G. Thời gian chung sống với bà O, không có con chung. Ông L cho rằng cuộc sống chung với bà O có nhiều mâu thuẫn, tính cách khác biệt, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà O tự ý về nhà cha, mẹ ruột sinh sống từ năm 2020, hiện tình cảm vợ chồng không còn

thương yêu quan tâm chăm sóc nhau đến nhau. Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà O.

Về con chung: Ông L xác định không có con chung với bà O.

Về tài sản chung: Ông L xác định không có.

Bị đơn là bà Nguyễn Kiều O vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Xét đơn khởi kiện của ông Trần Đình L thì đây là vụ án ly hôn theo yêu cầu một bên, bị đơn cư trú tại quận G, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, TP. Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo luật định, nhưng bà Nguyễn Kiều O vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng Điều 227 của BLTTDS năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về *yêu cầu của các đương sự:*

Xét thấy, Ông L và bà O tự nguyện chung sống vào năm 2019, đăng ký kết hôn số 166/2019 ngày 18/7/2019 tại Ủy ban nhân dân Phường 16, quận G nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tại Tòa Ông L yêu cầu giải quyết ly hôn với bà O theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân gia đình giữa ông Trần Đình L và bà Nguyễn Kiều O xét thấy, mâu thuẫn gia đình phát sinh từ năm 2020 và bà O về nhà cha, mẹ ruột sinh sống không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với ông L. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt, niêm yết thông báo hòa giải, nhưng bà O vắng mặt không có lý do, chứng tỏ bà O không còn tha thiết mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân với ông L.

Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân giữa Ông L và bà O không tha thiết Tòa án hòa giải, hôn nhân không đạt

được đời sống chung không thể kéo dài. Nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông L đối với bà O .

Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông L phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đình L.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình L được ly hôn với bà Nguyễn Kiều O. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 166/2019, ngày 18/7/2019 tại Ủy ban nhân dân Phường 16, quận G TPHCM hết hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Trần Đình L phải nộp nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0047317, ngày 08/12/2021 tại Chi cục Thi hành án quận G, Ông L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPH;
VKSNDQG;
- CCTHADS QG;
UBND nôi ĐKKH
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

-

(Đã ký, đóng dấu)